TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B- LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01**/2020/DS-ST
Ngày: 14 - 02 - 2020.
V/v tranh chấp: Hợp đồng dân sự vay tài sản giữa bà H và vợ chồng ông M, bà S.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B- TỈNH LÂM ĐỒNG
***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Trường**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Duyên**
2. Bà **Hoàng Thị Mỹ Hằng**

Thư ký phiên tòa: Ông **Trương Quang Vũ** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Vũ Ngọc Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày **14** tháng **02** năm **2020** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 105/2019/TLST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2019 về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và mua bán tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2019/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1973
Địa chỉ cư trú: Tổ 17, Thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

**** Bị đơn:*** Vợ chồng ông **Phạm Văn M**, sinh năm: 1965
Bà **Nguyễn Thị S**, sinh năm: 1970
Địa chỉ cư trú: Tổ 17, Thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

(*Bà H có mặt. Vợ chồng ông M, bà S vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 5 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Vào ngày 19/7/2018 bà H có cho bà S vay số tiền 10.000.000đ, lãi suất thỏa thuận miệng là 2.000đ/1.000.000đ/ngày và hẹn 01 tháng sau sẽ trả.

Ngoài ra bà S và bà H có thỏa thuận mua bán cà phê với nhau; cụ thể: Ngày 19/7/2018 bà S chốt 01 tấn cà phê nhân; ngày 20/7/2018 bà S chốt 02 tấn cà phê nhân và ngày 24/7/2018 bà S chốt thêm 02 tấn cà phê nhân nữa, tổng cộng bà S chốt của bà H 05 tấn cà phê nhân và đã lấy tiền với giá cà phê hai bên thỏa thuận là 26.000đ/1kg thành tiền là 130.000.000đ. Hai bên thỏa thuận đến ngày 30/12/2018 bà S phải giao cho bà H 05 tấn cà phê nhân loại Robusta, độ ẩm 15 độ, tạp chất 1%. Việc vay mượn và chốt cà phê chỉ có một mình bà S ký giấy nhận nợ và ký chốt cà phê, nhưng chồng bà S là ông Phạm Văn M cũng biết và hứa sẽ cùng vợ trả nợ cho bà H. Tuy nhiên, khi đến hẹn, mặc dù bà H đã

đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông M, bà S vẫn không trả nợ cho bà H như đã cam kết. Vì vậy, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông M, bà S phải trả lại cho bà số tiền gốc 10.000.000đ và 05 tấn cà phê nhân loại Robusta, độ ẩm 15 độ, tạp chất 1%; không yêu cầu tính lãi suất. Bà H đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời đã áp dụng tại Quyết định số 02/2019/QĐ-BPKCTT ngày 23/5/2019.

** Bị đơn vợ chồng ông Phạm Văn M, bà Nguyễn Thị S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình không đến làm việc. Vì vậy không có lời khai của vợ chồng ông M, bà S tại Tòa án.*

Vụ án không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B đề nghị:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H; buộc vợ chồng ông M, bà S phải trả cho bà H số tiền 10.000.000đ và 05 tấn cà phê nhân loại Robusta, độ ẩm 15 độ, tạp chất 1%.

- Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2019/QĐ-BPKCTT ngày 23/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện B.

- Buộc đương sự phải chịu tiền án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

***- Về tố tụng*:** Bà Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng giải quyết về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và mua bán tài sản*" với vợ chồng ông Phạm Văn M, bà Nguyễn Thị S. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vợ chồng ông Phạm Văn M, bà Nguyễn Thị S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ (niêm yết) nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt vợ chồng ông Phạm Văn M, bà Nguyễn Thị S là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Trong tháng 07/2018 giữa bà H và bà S có làm ăn giao dịch với nhau về việc cho vay tiền và mua bán cà phê với hình thức chốt giá. Cụ thể là bà H cho bà S vay số tiền 10.000.000đ hẹn 01 tháng sau sẽ trả và 03 lần chốt cà phê tổng cộng là 05 tấn cà phê nhân loại Robusta, độ ẩm 15 độ, tạp chất 1% hẹn đến ngày 30/12/2018 phải giao cà phê. Nhưng đến hạn bà S không trả tiền và cũng không giao cà phê cho bà H nên hai bên đã xảy ra tranh chấp.

Qúa trình giải quyết vụ án, bà H đã cung cấp cho Tòa án bản gốc giấy vay tiền và giấy chốt cà phê có chữ ký của bà S. Trong khi vợ chồng ông M, bà S mặc dù đã nhiều

lần được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không có mặt để làm việc, cũng không gửi bản khai đến Tòa án để bảo vệ quyền lợi của mình.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của đương sự thì thấy rằng: Việc bà H và bà S có quan hệ làm ăn giao dịch với nhau bằng việc cho vay tiền và mua bán cà phê là có thật. Quá trình làm ăm giao dịch, hai bên đã thể hiện bằng giấy tờ cụ thể. Việc vay mượn và chốt cà phê chỉ có một mình bà S ký giấy nhưng chồng bà S là ông Phạm Văn M cũng biết và hứa sẽ cùng vợ trả nợ nên bà H yêu cầu vợ chồng ông M, bà S cùng phải có trách nhiệm trả nợ cho bà H là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về lãi suất:

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bà H không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H đối với vợ chồng ông M, bà S; Buộc vợ chồng ông M, bà S phải có trách nhiệm trả cho bà H số tiền 10.000.000đ và 05 tấn cà phê nhân loại Robusta, độ ẩm 15 độ, tạp chất 1%.

- Về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời:

Tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2019/QĐ-BPKCTT ngày 23/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng đã phong tỏa tài sản là diện tích đất 1.760m^2 đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 538, tờ bản đồ số 25 tại Tổ 17, Thị trấn L, huyện B đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Phạm Văn M tại Quyết định số 421/QĐ-UBND ngày 26/9/2000, số vào sổ theo dõi cấp giấy: 01372/QSDĐ.

Do yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận, vợ chồng ông M, bà S vẫn còn nợ tiền của bà H và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà H và đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản nói trên để đảm bảo cho việc thi hành án. Vì vậy cần tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời nói trên để đảm bảo cho việc thi hành án là phù hợp và có cơ sở pháp luật.

Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 02/2019/QĐ-BPBĐ ngày 23/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị H toàn bộ tài sản bảo đảm là số tiền 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) tại Ngân hàng N- Chi nhánh B- Lâm Đồng II theo tài khoản tiền gửi thanh toán cá nhân số 5495205112100 ngày 23/5/2019.

- Về án phí: Vợ chồng ông M, bà S phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Cụ thể là: (10.000.000đ + 155.000.000đ) x 5% = 8.250.000đ. (Giá cà phê nhân tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 31.000đ/kg).

Bà Nguyễn Thị H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 430, Điều 463, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về "*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*". Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với vợ chồng ông Phạm Văn M, bà Nguyễn Thị S về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và mua bán tài sản*".

Buộc vợ chồng ông Phạm Văn M, bà Nguyễn Thị S phải trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng)* và 05 (*năm*) tấn cà phê nhân loại Robusta, độ ẩm 15 độ, tạp chất 1%.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời:

- Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời đã áp dụng tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2019/QĐ-BPKCTT ngày 23/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng phong tỏa tài sản là diện tích đất 1.760m^2 đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 538, tờ bản đồ số 25 tại Tổ 17, Thị trấn L, huyện B đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Phạm Văn M tại Quyết định số 421/QĐ-UBND ngày 26/9/2000, số vào sổ theo dõi cấp giấy: 01372/QSDĐ.

- Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 02/2019/QĐ-BPBĐ ngày 23/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị H toàn bộ tài sản bảo đảm là số tiền 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) tại Ngân hàng N- Chi nhánh B- Lâm Đồng II theo tài khoản tiền gửi thanh toán cá nhân số 5495205112100 ngày 23/5/2019.

3/ Về án phí:

Vợ chồng ông Phạm Văn M, bà Nguyễn Thị S phải chịu 8.250.000đ (*Tám triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 4.125.000đ (*Bốn triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0012964 ngày 23 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

4/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện B;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Đức Trường